

**DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC**  
**HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC: 2026 – 2027**

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	ACC202	Nguyên lý kế toán	3	
2	ACC302	Nhập môn ngành Kế toán	2	
3	ACC303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
4	ACC304	Ứng dụng Excel trong kế toán	3	
5	ACC305	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	
6	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán	3	
7	ACC409	Kế toán quản trị	3	
8	ACC412	Kiểm toán căn bản	3	
9	ACC413	Kiểm toán nâng cao	3	
10	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1	
11	ACC425	Kế toán ngân hàng	3	
12	ACC435	Kế toán tài chính	3	
13	ACC436	Kế toán tài chính nâng cao	3	
14	ACC437	Kế toán tài chính chuyên sâu	3	
15	ACC438	Kế toán chi phí	3	
16	ACC439	Kế toán quốc tế	3	
17	ACC442	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
18	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	
19	ART228	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	
20	ART316	Ký xướng âm 1	3	
21	ART319	Phân tích âm nhạc	2	
22	ART320	Ký xướng âm 3	3	
23	ART364	Nhập môn ngành Piano	2	
24	ART365	Nhập môn ngành Thanh nhạc	2	
25	ART366	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
26	ART367	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
27	ART371	Hòa âm 1	2	
28	ART377	Biểu diễn ban nhạc	2	
29	ART379	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2	
30	ART380	Mỹ học âm nhạc	2	
31	ART382	Nhập môn ngành CNDATH	2	
32	ART383	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
33	ART384	Nhập môn ngành ĐDDATH	2	
34	ART385	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
35	ART422	Hợp xướng 1	2	
36	ART428	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	2	
37	ART430	Piano 1	3	
38	ART432	Piano 3	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
39	ART434	Piano 5	3	
40	ART436	Piano 7	3	
41	ART445	Thanh nhạc 1	3	
42	ART458	Thanh nhạc 3	3	
43	ART462	Thanh nhạc 7	3	
44	ART475	Piano phổ thông 2	2	
45	ART491	Thanh nhạc nhạc nhẹ 1	3	
46	AUD301	Nhập môn ngành Kiểm toán	2	
47	AUD302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
48	AUD304	Thực tập cơ sở Kiểm toán	3	
49	BIO306	Vi sinh học	3	
50	BIO309	Sinh học phân tử	3	
51	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	
52	BIO311	Nhập môn ngành Công nghệ sinh học	2	
53	BIO313	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2	
54	BIO315	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3	
55	BIO316	Công nghệ sinh học đại cương và ứng dụng	3	
56	BIO317	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3	
57	BIO318	Vi sinh ứng dụng trong Công nghệ sinh học	3	
58	BIO319	Trải nghiệm ngành, nghề	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
59	BIO409	Sinh học về Protein	2	
60	BIO410	Tế bào học	3	
61	BIO448	Công nghệ Enzyme	2	
62	BIO457	Công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản và ứng dụng	3	
63	BIO463	Nuôi cấy mô tế bào thực vật	3	
64	BIO464	Sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh thủy sản	3	
65	BIO467	Sinh tin học	3	
66	BIO501	TTN Công nghệ sinh học	5	
67	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	
68	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	
69	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3	
70	BUS304	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2	
71	BUS306	Thương mại điện tử	3	
72	BUS308	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
73	BUS309	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3	
74	BUS410	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1	
75	BUS416	Hành vi khách hàng	3	
76	BUS417	Hành vi tổ chức	3	
77	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	
78	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
79	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	
80	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp	3	
81	BUS432	Luật thương mại quốc tế	3	
82	BUS436	Quản trị xuất nhập khẩu	3	
83	BUS437	Thương mại quốc tế	3	
84	BUS439	Nghiệp vụ thương mại quốc tế	3	
85	BUS440	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	3	
86	BUS441	Tiếng Anh thương mại quốc tế	3	
87	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	
88	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	
89	CHI332	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2	
90	CHI339	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
91	CHI342	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2	
92	CHI344	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2	
93	CHI346	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2	
94	CHI348	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2	
95	CHI350	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2	
96	CHI352	Nhập môn ngành Trung Quốc học	2	
97	CHI353	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
98	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3	
99	CHI439	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
100	CHI453	Đất nước học Trung Quốc	2	
101	CHI454	HSK cao cấp	2	
102	CHI456	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3	
103	CHI457	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3	
104	CHI460	Tiếng Trung Quốc marketing	3	
105	CHI461	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3	
106	CHI463	Tiếng Trung Quốc đọc sơ cấp	2	
107	CHI467	Tiếng Trung Quốc viết sơ cấp	2	
108	COE301	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng	2	
109	COE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
110	COE306	Trắc địa	3	
111	COE308	Sức bền vật liệu	4	
112	COE309	Cơ học kết cấu	3	
113	COE311	Kiến trúc công trình	3	
114	COE313	Mô hình thông tin xây dựng (BIM)	3	
115	COE403	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	
116	COE408	Kết cấu thép	2	
117	COE409	Đồ án Kết cấu thép	2	
118	COE412	Kết cấu nhà cao tầng	2	
119	COE414	Cấp thoát nước công trình	2	
120	COE415	Máy xây dựng và an toàn lao động	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
121	COE416	Kỹ thuật điện công trình	2	
122	CTE303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
123	CTE304	Thực tập cơ sở	2	
124	CTE401	Kỹ thuật diễn xuất	2	
125	CTE402	Đạo diễn điện ảnh và chương trình truyền hình	2	
126	CTE404	Kỹ thuật dựng phim 1	2	
127	CTE405	Kỹ thuật dựng phim 2	2	
128	CTE407	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 2	2	
129	CTE408	Hóa trang điện ảnh, truyền hình	2	
130	CTE409	Ánh sáng điện ảnh, truyền hình	2	
131	CTE412	Nghiệp vụ quay phim 1	2	
132	CTE414	Sáng tạo nội dung điện ảnh, truyền hình	2	
133	CTE418	Công nghệ sản xuất hình ảnh 2	3	
134	CTE430	Quy trình sản xuất điện ảnh, truyền hình	2	
135	CTE431	Quan hệ công chúng và quảng cáo	2	
136	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	
137	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	
138	ECO303	Kinh tế vi mô	3	
139	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	
140	ECO305	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2	
141	ECO306	Trải nghiệm ngành, nghề	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
142	ECO308	Nhập môn ngành Kinh tế	2	
143	ECO309	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
144	ECO311	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3	
145	ECO314	Nghiên cứu marketing	3	
146	ECO315	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3	
147	ECO318	Kinh tế công	3	
148	ECO320	Kinh tế quốc tế	3	
149	ECO321	Kinh tế môi trường	3	
150	ECO327	Thẩm định giá bất động sản	3	
151	ECO328	Kinh tế lao động	3	
152	ECO329	Phân tích chính sách	3	
153	ECO330	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3	
154	ECO415	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1	
155	ECO417	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3	
156	ECO419	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2	
157	ECO420	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3	
158	ECO424	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3	
159	ECO425	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3	
160	ECO426	Lý thuyết Kinh tế số	3	
161	ECO427	Quản trị nhân sự quốc tế	3	
162	ELE302	CAD cho điện tử	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
163	ELE308	Mạch điện	3	
164	ELE311	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
165	ELE319	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
166	ELE326	Linh kiện điện tử	3	
167	ELE329	Điện tử số	3	
168	ELE330	Kỹ thuật vi điều khiển	4	
169	ELE333	Hệ điều hành nhúng	2	
170	ELE334	Đo lường và thiết bị đo	3	
171	ELE335	Học máy	2	
172	ELE337	Điện tử tương tự	4	
173	ELE401	Ngôn ngữ mô tả phần cứng	3	
174	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
175	ELE423	Hệ thống IoT	2	
176	ELE426	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3	
177	ELE428	Thông tin di động	2	
178	ELE429	Thông tin quang	2	
179	ELE435	Truyền hình số và đa phương tiện	2	
180	ELE436	Truyền sóng và anten	2	
181	ELE442	Kỹ thuật giao tiếp người dùng với AI	2	
182	ELE443	Mạng cảm biến không dây	2	
183	ELE444	Xử lý số tín hiệu	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
184	ENE301	Nhập môn ngành Kỹ thuật môi trường	2	
185	ENE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
186	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	
187	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	
188	ENG301	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	
189	ENG308	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
190	ENG322	Tiếng Anh ngữ pháp	2	
191	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2	
192	ENG325	Tiếng Anh nghe - nói 3	2	
193	ENG326	Tiếng Anh đọc 1	2	
194	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2	
195	ENG328	Tiếng Anh đọc 3	2	
196	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2	
197	ENG330	Tiếng Anh viết 3	2	
198	ENG331	Nghe - nói trong thương mại 1	2	
199	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2	
200	ENG333	Nghe - nói trong thương mại 3	2	
201	ENG334	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3	
202	ENG335	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2	
203	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2	
204	ENG337	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
205	ENG338	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2	
206	ENG339	Đàm phán quốc tế	3	
207	ENG343	Phương pháp quản lý lớp học	2	
208	ENG345	Nghệ vụ ngoại giao	2	
209	ENG347	Tiếng Anh viết 1	2	
210	ENG401	Biên dịch nâng cao	3	
211	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3	
212	ENG408	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3	
213	ENG413	Biên dịch thương mại 2	3	
214	ENG419	Phát âm	3	
215	ENG441	Thư tín thương mại	3	
216	ENG452	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ TATM	4	
217	ENG464	Lý thuyết dịch	3	
218	ENG482	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3	
219	ENG489	Ngữ âm - Âm vị học	2	
220	ENG490	Ngữ nghĩa học	2	
221	ENG491	Ngôn ngữ học ứng dụng	2	
222	ENG492	Phân tích diễn ngôn	2	
223	ENG493	Văn hóa Anh - Mỹ	2	
224	ENG495	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2	
225	ENG496	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
226	ENG497	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3	
227	ENG498	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3	
228	ENG514	TTN Ngôn ngữ Anh	5	
229	ENG535	Đạo đức trong kinh doanh	3	
230	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
231	FIN302	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2	
232	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
233	FIN309	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	2	
234	FIN310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
235	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3	
236	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	3	
237	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3	
238	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
239	FIN424	Thanh toán quốc tế	3	
240	FIN425	Thẩm định tín dụng	3	
241	FIN427	Thị trường tài chính	3	
242	FIN428	Thuế	3	
243	FIN432	Bảo hiểm	3	
244	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3	
245	FIN444	Máy học và trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	
246	FIN446	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
247	FIN447	Đầu tư tài chính	3	
248	FOT301	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2	
249	FOT303	Kỹ thuật thực phẩm 1	2	
250	FOT309	Vi sinh thực phẩm	3	
251	FOT317	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3	
252	FOT319	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
253	FOT436	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2	
254	FOT446	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
255	FOT447	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm và thực hành	3	
256	FOT448	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	
257	FOT450	Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát	3	
258	FOT451	Công nghệ sinh học thực phẩm	3	
259	FOT452	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3	
260	FOT453	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	
261	FOT501	TTN Công nghệ thực phẩm	5	
262	FRE301	Nhập môn ngành	2	
263	FRE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
264	FRE303	Tiếng Pháp tổng hợp 1	3	
265	FRE306	Tiếng Pháp tổng hợp 4	3	
266	FRE307	Tiếng Pháp tổng hợp 5	3	
267	FRE309	Nghe - nói 2	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
268	FRE313	Đọc - Viết 2	3	
269	FRE402	Ngữ pháp	3	
270	FRE406	Nhập môn chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại	3	
271	GRA401	Cơ sở thiết kế đồ họa	2	
272	GRA403	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3	
273	GRA404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3	
274	GRA407	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3	
275	GRA409	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3	
276	GRA418	Hình họa	3	
277	GRA419	Nghệ thuật chữ và trang trí	3	
278	GRA421	Thiết kế đồ họa 2D	4	
279	GRA423	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3	
280	GRA424	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4	
281	GRA426	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3	
282	GRA511	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6	
283	GRA512	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6	
284	HOS302	Quản trị dịch vụ ăn uống	3	
285	HOS305	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3	
286	HOS306	Tổng quan về quản trị khách sạn	2	
287	HOS307	Trải nghiệm ngành, nghề	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
288	HOS309	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2	
289	HOS315	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2	
290	HOS318	Báo cáo chuyên đề 1	1	
291	HOS320	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
292	HOS408	Nghiệp vụ buồng	3	
293	HOS410	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3	
294	HOS412	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3	
295	HOS417	Nghiệp vụ nhà hàng	3	
296	HOS418	Nhuận quyền thương mại	3	
297	HOS420	Quản lý doanh thu và chi phí	3	
298	HOS423	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3	
299	HOS424	Quản trị Khu du lịch	3	
300	HOS426	Quản trị quầy rượu và dịch vụ đồ uống	3	
301	HOS429	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3	
302	HOS430	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2	
303	HOS432	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3	
304	HOS433	Quản trị bán hàng trong du lịch	3	
305	HOS435	Nghiệp vụ lễ tân nhà hàng khách sạn	3	
306	HOS452	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3	
307	HOS453	Báo cáo chuyên đề 2	1	
308	HOS454	Thực tập thực tế QTNH & DVAU 1	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
309	HUR303	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2	
310	HUR304	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
311	HUR405	Định mức và tổ chức lao động khoa học	3	
312	HUR406	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3	
313	HUR408	Quản trị nhân sự	3	
314	HUR412	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3	
315	HUR413	Đánh giá và phát triển nguồn nhân lực	3	
316	HUR414	Phân tích và quản lý thực hiện công việc	3	
317	HUR415	Quản trị thù lao lao động	3	
318	HUR416	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Quản trị nhân lực	1	
319	HUR417	Thực tập cơ sở Quản trị nhân lực	3	
320	HUR419	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	
321	HUR513	TTN Quản trị nhân sự	5	
322	HUR514	KLTN Quản trị nhân sự	12	
323	INR301	Nhập môn ngành Quan hệ quốc tế	2	
324	INR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
325	INR305	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2	
326	INR402	Việt Nam trong cục diện chính trị và kinh tế thế giới thế kỷ 21	2	
327	INR409	Quản trị khủng hoảng và xung đột	2	
328	INR411	Viết và biên tập bài báo quốc tế	2	
329	INR412	Phân tích và bình luận sự kiện quốc tế	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
330	INR414	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2	
331	INR420	Nghiệp vụ đối ngoại và lễ tân ngoại giao	2	
332	INR423	Phương pháp thuyết trình tiếng Anh trong Quan hệ quốc tế	2	
333	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	
334	INT301	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
335	INT304	Kiến trúc máy tính	2	
336	INT306	Nhập môn ngành	2	
337	INT308	TH Cơ sở dữ liệu	1	
338	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
339	INT314	Cơ sở dữ liệu	2	
340	INT319	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	2	
341	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
342	INT322	Lập trình Java	3	
343	INT323	Cơ sở dữ liệu	4	
344	INT324	Lập trình C++	3	
345	INT325	An toàn mạng máy tính	3	
346	INT327	Quản trị hệ thống mạng	3	
347	INT328	An toàn mạng máy tính nâng cao	3	
348	INT331	Nhập môn ngành MMT&TTDL	2	
349	INT332	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
350	INT4011	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
351	INT4014	Phân tích và trực quan dữ liệu	3	
352	INT4071	Hệ thống thương mại điện tử	3	
353	INT4121	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	
354	INT4131	Điện toán đám mây	3	
355	INT4132	Điện toán đám mây cho hệ thống IoT	2	
356	INT414	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2	
357	INT4151	Thu thập và tiền xử lý dữ liệu	3	
358	INT416	Hệ điều hành	2	
359	INT4181	Khai phá dữ liệu	3	
360	INT4211	Lập trình trên các thiết bị di động	4	
361	INT4241	Lập trình web nâng cao	3	
362	INT4401	Mạng máy tính	3	
363	INT4402	Lập trình Java nâng cao	3	
364	INT4403	Hệ điều hành Linux	3	
365	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3	
366	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3	
367	INT4407	Lập trình web	3	
368	INT4408	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
369	INT4410	Bảo mật trong IoT	3	
370	INT4411	Bảo mật với SmartCard và NFC	3	
371	INT4412	Công nghệ IoT	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
372	INT4413	Công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi	3	
373	INT4414	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3	
374	INT4417	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3	
375	INT4418	Lập trình ứng dụng	2	
376	INT4419	Lập trình Windows	3	
377	INT4420	An toàn dữ liệu, khôi phục thông tin sau sự cố	3	
378	INT4421	Lập trình nhúng	3	
379	INT450	Thực tập cơ sở CNTT	4	
380	INT4561	Công nghệ mạng viễn thông	3	
381	INT4621	Thiết kế mạng	3	
382	INT4721	Phát triển mã nguồn mở	3	
383	INT4771	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3	
384	INT4791	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	4	
385	INT484	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2	
386	INT4891	Mật mã học	3	
387	INT4931	Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập	3	
388	INT503	TTN Kỹ thuật phần mềm	5	
389	INT504	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12	
390	INT511	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6	
391	INT512	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
392	INT513	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6	
393	INT514	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6	
394	INT515	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6	
395	INT516	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6	
396	INT517	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6	
397	INT518	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6	
398	INT551	TTN Công nghệ thông tin	5	
399	INT552	ĐATN Hệ thống thông tin	12	
400	INT582	TTN Khoa học máy tính	5	
401	INT587	KLTN Công nghệ thông tin	12	
402	INT588	KLTN Khoa học máy tính	12	
403	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3	
404	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	
405	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2	
406	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
407	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	
408	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	
409	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	
410	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	
411	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
412	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	
413	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	
414	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	
415	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	
416	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	
417	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	
418	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	
419	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	
420	JAP354	Tiếng Nhật công sở	2	
421	JAP402	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	2	
422	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	
423	JAP424	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	2	
424	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	
425	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2	
426	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	2	
427	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	
428	JAP491	Thu tín thương mại	2	
429	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	
430	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	
431	KOR314	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2	
432	KOR317	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
433	KOR319	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2	
434	KOR321	Tiếng Hàn du lịch	2	
435	KOR322	Tiếng Hàn bất động sản	2	
436	KOR323	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2	
437	KOR324	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2	
438	KOR326	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3	
439	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3	
440	KOR330	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2	
441	LAW101	Pháp luật đại cương	3	
442	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2	
443	LAW302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
444	LAW303	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2	
445	LAW304	Luật hiến pháp	2	
446	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2	
447	LAW306	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
448	LAW308	Các học thuyết chính trị - pháp lý	2	
449	LAW402	Luật tố tụng hình sự	3	
450	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	
451	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2	
452	LAW408	Luật môi trường	3	
453	LAW409	Luật thương mại điện tử	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
454	LAW415	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2	
455	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	
456	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2	
457	LAW421	Lập và quản lý dự án đầu tư	3	
458	LAW422	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3	
459	LAW423	Luật thương mại	3	
460	LAW424	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3	
461	LAW425	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	
462	LAW426	Luật kinh tế	3	
463	LAW430	Luật dân sự	3	
464	LAW431	Luật tố tụng dân sự	3	
465	LAW432	Luật hôn nhân gia đình	2	
466	LAW433	Luật tài sản	3	
467	LAW434	Pháp luật về thừa kế	2	
468	LAW435	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2	
469	LAW436	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	
470	LAW437	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	2	
471	LAW438	Tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2	
472	LAW443	Luật kinh doanh	3	
473	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	2	
474	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
475	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
476	LIT314	Văn học Nga	2	
477	LIT317	Văn học Trung Quốc	2	
478	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3	
479	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2	
480	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2	
481	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2	
482	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	
483	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2	
484	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	2	
485	LIT433	Một số tác gia văn học VN hiện đại	3	
486	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3	
487	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	3	
488	LIT442	Thực tập cơ sở Văn học	2	
489	LIT449	Phê bình văn học	3	
490	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	3	
491	LIT547	KLTN Văn học	12	
492	LOG402	Quản trị kho hàng	3	
493	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3	
494	LOG407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1	
495	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
496	MAN201	Quản trị học	3	
497	MAN302	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2	
498	MAN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
499	MAN404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1	
500	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo	3	
501	MAN406	Quản trị bán hàng	3	
502	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng	3	
503	MAN408	Quản trị chất lượng	3	
504	MAN409	Quản trị chiến lược	3	
505	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	3	
506	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
507	MAN416	Quản trị thương mại điện tử	3	
508	MAN418	Quản trị vận hành	3	
509	MAN424	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3	
510	MAN425	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3	
511	MAN426	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3	
512	MAN427	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3	
513	MAN526	TTN Quản trị kinh doanh	5	
514	MAN527	KLTN Quản trị kinh doanh	12	
515	MAR201	Marketing căn bản	3	
516	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
517	MAR303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
518	MAR403	Quảng cáo	2	
519	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1	
520	MAR405	E - Marketing	3	
521	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3	
522	MAR409	Marketing dịch vụ	3	
523	MAR410	Marketing dịch vụ - logistics	3	
524	MAR412	Marketing mối quan hệ	3	
525	MAR414	Marketing quốc tế	3	
526	MAR416	Marketing truyền thông xã hội	3	
527	MAR418	Quản trị marketing	3	
528	MAR419	Quản trị marketing dịch vụ	3	
529	MAR420	Quản trị thương hiệu	3	
530	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3	
531	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3	
532	MAR429	Phát triển sản phẩm	3	
533	MAR430	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	
534	MAR431	Kế hoạch truyền thông Marketing	3	
535	MAR432	Truyền thông báo chí	3	
536	MAR433	Truyền thông đa phương tiện	3	
537	MAR434	Kỹ thuật SEO	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
538	MAR435	Chiến lược và chính sách giá	3	
539	MAR436	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong Marketing	3	
540	MAR437	Xây dựng kế hoạch bán hàng	3	
541	MAR438	Giải trí và truyền thông	3	
542	MMC301	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2	
543	MMC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
544	MMC303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
545	MMC304	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3	
546	MMC305	Văn học ứng dụng	3	
547	MMC306	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3	
548	MMC307	Truyền thông số	3	
549	MMC403	Thiết kế web	2	
550	MMC404	TH Thiết kế web	2	
551	MMC405	Biên kịch phim ngắn	2	
552	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	
553	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	
554	MMC410	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	
555	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	2	
556	MMC413	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3	
557	MMC414	Kỹ thuật trường quay	2	
558	MMC415	Hậu kỳ kỹ thuật số	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
559	MMC416	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3	
560	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	
561	MMC423	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2	
562	MMC424	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3	
563	MMC425	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3	
564	MMC426	Đồ án Công nghệ truyền thông	3	
565	NAS101	Môi trường và con người	3	
566	NAS202	Toán cao cấp	3	
567	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	
568	NAS204	Vật lý đại cương	3	
569	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	
570	NAS309	Hóa sinh đại cương	2	
571	NAS310	Toán kỹ thuật	2	
572	NUR301	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2	
573	NUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
574	NUR403	Hóa sinh	2	
575	NUR404	TH Hóa sinh	1	
576	NUR405	Vi sinh	2	
577	NUR406	TH Vi sinh		
578	NUR407	Ký sinh trùng	2	
579	NUR419	Pháp luật – Tổ chức Y tế	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
580	NUR427	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	
581	NUR428	Điều dưỡng cơ bản 1	2	
582	NUR429	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1	
583	NUR432	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	
584	NUR433	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	
585	NUR442	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, hoặc đang cho con bú	2	
586	NUR444	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	
587	NUR448	Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	2	
588	NUR449	TH Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	1	
589	ORI301	Nhập môn ngành Đông Phương học	2	
590	ORI302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
591	ORI309	Lịch sử Trung Quốc	2	
592	ORI310	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	2	
593	ORI404	Con đường hiện đại hóa Trung Quốc	2	
594	PHT106	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1	
595	PHT107	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1	
596	PHT108	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1	
597	PHT109	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1	
598	PHT110	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1	
599	PHT111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
600	PHT112	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1	
601	PHT113	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1	
602	PHT114	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1	
603	PHT115	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1	
604	PHT116	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1	
605	PHT117	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1	
606	PHT118	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1	
607	PHT119	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1	
608	PHT120	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1	
609	PHT121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1	
610	PHT122	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1	
611	PHT123	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1	
612	PHT124	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1	
613	PHT125	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1	
614	PHT126	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1	
615	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	
616	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
617	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
618	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
619	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
620	PRO301	Nhập môn ngành Quản trị dự án	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
621	PRO302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
622	PRO402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTDA	1	
623	PRO421	Thực tập cơ sở Quản trị dự án	3	
624	PRO423	Thực tập nghề nghiệp Quản trị dự án	3	
625	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	
626	PSY304	Nhập môn ngành Tâm lý học	2	
627	PSY309	Tâm lý học giao tiếp	2	
628	PSY310	Tâm lý học giới tính	2	
629	PSY312	Tâm lý học phát triển	3	
630	PSY313	Tâm lý học xã hội	3	
631	PSY314	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
632	PSY417	Các liệu pháp trị liệu tâm lý	3	
633	PSY420	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3	
634	PSY431	Tâm lý học quản trị nhân sự	3	
635	PSY432	Tâm lý học tham vấn	3	
636	PSY442	Trị liệu hệ thống	3	
637	PSY450	Luật lao động	3	
638	PSY451	Tâm lý học lao động	3	
639	PSY455	Thực tập cơ sở về quản trị nhân sự	2	
640	PSY457	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2	
641	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
642	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2	
643	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2	
644	PUR410	Quan hệ công chúng	3	
645	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3	
646	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	
647	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2	
648	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2	
649	PUR425	Viết và biên tập tin	2	
650	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3	
651	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	
652	PUR430	Thể hiện ý tưởng	2	
653	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	2	
654	PUR433	Các thể loại báo chí	2	
655	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2	
656	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	2	
657	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	
658	PUR443	Tiếp thị sự kiện	2	
659	PUR444	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2	
660	PUR448	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2	
661	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	2	
662	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
663	SKL101	Phương pháp học đại học	3	
664	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	
665	SKL401	Chiến thuật giao tiếp trong tiếng Anh	3	
666	SOC301	Chính sách xã hội	2	
667	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	2	
668	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	2	
669	SOC306	Phát triển cộng đồng	2	
670	SOC309	Quản lý dự án xã hội	2	
671	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
672	SOC314	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	3	
673	SOC417	Kỹ năng viết báo	3	
674	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2	
675	SOC426	Xã hội học báo chí	3	
676	SOC436	Xã hội học quản lý	3	
677	SOC453	Phương pháp nghiên cứu định tính	4	
678	SOC454	Xã hội học đô thị	3	
679	SOC455	Xã hội học nông thôn	3	
680	SOC456	Xã hội học tổ chức	2	
681	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	
682	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	
683	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
684	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	
685	SOS206	Mỹ học đại cương	3	
686	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	
687	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	
688	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
689	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	
690	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	
691	SUC301	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	
692	SUC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
693	SUC407	Nghiệp vụ hải quan	3	
694	SUC409	Quản trị kênh phân phối	3	
695	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	
696	TOU301	Địa lý du lịch Việt Nam	3	
697	TOU302	Phát triển du lịch bền vững	2	
698	TOU303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	
699	TOU304	Tâm lý du khách	2	
700	TOU305	Tổng quan du lịch	2	
701	TOU306	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3	
702	TOU309	Luật du lịch	2	
703	TOU318	Tuyển điểm du lịch	3	
704	TOU321	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
705	TOU323	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	2	
706	TOU324	Văn hóa ẩm thực	3	
707	TOU418	Quản trị chiến lược trong du lịch	3	
708	TOU422	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1	
709	TOU425	Quản lý du lịch cộng đồng	2	
710	TOU428	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	2	
711	TOU431	Tiếp thị trong kinh doanh du lịch	2	
712	TRA302	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
713	TRA306	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2	
714	TRA307	Thiết kế tour	3	
715	TRA312	Quản trị sự kiện	3	
716	TRA313	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3	
717	TRA407	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3	
718	TRA408	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3	
719	TRA409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
720	TRA412	Du lịch sinh thái	2	
721	TRA413	Điền dã lữ hành	1	
722	TRA416	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3	
723	TRA417	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3	
724	TRA419	Quản trị du lịch di sản	2	
725	TRA421	Quản trị điểm đến	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
726	TRA427	Tin ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3	
727	TRA434	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	
728	TRA435	Thực tập nghiệp vụ 1	3	
729	TRA436	Thực tập nghiệp vụ 2	3	
730	TRA443	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	
731	TRA448	Tiếng Anh du lịch 2	3	
732	TRA451	Thực tập nghiệp vụ du lịch 1	3	
733	TRA452	Thực tập nghiệp vụ du lịch 2	3	
734	TRA453	Tổ chức và điều hành tour	3	
735	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	
736	VIE301	Nhập môn ngành Việt Nam học	2	
737	VIE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
738	VIE403	Đại cương văn học viết Việt Nam	3	
739	VIE427	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3	
740	VIE428	Âm nhạc Việt Nam	3	
741	VIE434	Thực tập cơ sở Việt Nam học	3	
742	VIE436	Truyền thông đại chúng ở Việt Nam	3	
743	VIE438	Các vùng văn hóa Việt Nam	3	

**Danh sách gồm 743 học phần./.**